

Bản án số 302/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 11 - 2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Cẩm L, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp PN, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Ấp CT, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Cẩm L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nm kết hôn năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Gia đình hai bên có hòa giải, nhưng vợ chồng vẫn không thay đổi quan điểm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thị Ánh N1, sinh ngày 29/7/2018 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2021 hiện đang sống cùng anh Nghiêm. Khi ly hôn, chị yêu cầu được 02 người con, yêu cầu anh Nghiêm cấp dưỡng 02 người con 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/11/2024, anh Nguyễn Trọng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị L.
- Về con chung: Anh đồng ý giao 02 người con cho chị L nuôi, anh cấp dưỡng 02 người con 1.000.000đ/tháng.
- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Cẩm L khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Nguyễn Trọng N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L, anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2019, chị L với anh N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh N được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn giữa chị L với anh N là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu N1 đã hơn 06 tuổi, còn cháu T đã hơn 03 tuổi hiện đang sống chung với anh N. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi 02 người con anh N đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung.

[5] Xét về cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng cho 02 người con 1.000.000đ/tháng, anh N đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về cấp dưỡng.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh N không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[8] Về án phí cấp dưỡng: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Cẩm L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh N1, sinh ngày 29/7/2018 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2021 cho chị Phạm Cẩm L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Trọng N không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Trọng N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Ánh N1, sinh ngày 29/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2021 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2024) cho đến khi cháu N1 và T tròn 18 tuổi.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Chị Phạm Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002028 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi; chị Phạm Cẩm L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Buộc anh Nguyễn Trọng N phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh